TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-PT
Ngày: 15 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng
Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 287/2022/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc V, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C .

- *Bị đơn:*

1.Bà Trần Thế A, sinh năm 1976 (Có mặt).

2.Ông Nguyễn Hửu P1, sinh năm 1968. (Tên gọi khác: Nguyễn Hữu P1, có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không triệu tập.

1. Ông Nguyễn Thanh P2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh C ..

2. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh C ..

3. Bà Trần Thúy O, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp Rạch Lùm B, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà Trần Ngọc V – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2022 của nguyên đơn, lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:

Ngày 15/7/2020 âm lịch vợ chồng bà V có cho bà Trần Thế A vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, việc vay có làm biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch, vợ chồng bà V đưa tiền trực tiếp cho bà Trần Thế A nhận, việc vay tiền thỏa thuận trả lãi hàng tháng, khi nào trả dứt nợ thì trả lại quyền sử dụng đất thế chấp, khi hỏi vay tiền bà A xác định là dùng vào việc chi tiêu trong gia đình, việc vay tiền có thế chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 22.840 m^2, đất tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, có số thửa 0016, 0017, tờ bản đồ số 07 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 660511 của UBND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp ngày 23/6/1999 cho ông Nguyễn Hữu P1, việc thế chấp tài sản có ghi kèm theo biên nhận vay tiền. Bà V xác định việc vay tiền và thế chấp tài sản thì vợ chồng bà V không trực tiếp liên hệ với ông P1 để bàn bạc. Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì bà A không có thanh toán được khoản tiền nào. Sau đó, bà O và bà A có đem quyền sử dụng đất của bà O đến nhờ vợ chồng bà V cho bà A mượn lại quyền sử dụng đất của ông P1 để làm thủ tục thế chấp Ngân hàng để trả tiền cho vợ chồng bà V, đồng thời bà O thế quyền sử dụng đất để bảo lãnh cho việc bà A mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vợ chồng bà V tin tưởng bà A nên cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đến nay không thực hiện việc trả nợ.

Bà Trần Ngọc V yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thế A và ông Nguyễn Hữu P1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 480.000.000 đồng (trong đó: Nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 80.000.000 đồng tính đến ngày khởi kiện), yêu cầu Tòa án duy trì tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 22.840 m^2 tại ấp Tân Thuận, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đối với quyền sử dụng đất của bà O vợ chồng bà V đang cầm giữ là do bảo lãnh cho bà A mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P1, nên yêu cầu Tòa án tách ra khi nào giữa vợ chồng bà V và bà O tranh chấp thì sẽ yêu cầu giải quyết sau. Đối với số tiền lãi trên nợ gốc tính kể từ thời điểm sau ngày khởi kiện thì bà V sẽ xem xét, nếu có yêu cầu thì khởi kiện vụ án khác.

- Lời trình bày của bị đơn Trần Thế A có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Bà A và ông P1 sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1997, giữa vợ chồng có 02 con chung, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay nhưng chưa ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung gì. Khi về chung sống thì ông P1 có tài sản riêng là quyền sử dụng đất đối với phần đất 22.840 m^2. Vào khoảng năm 2017 bà A có vay tiền của vợ chồng bà Trần Ngọc V số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 01 tháng 15.000.000 đồng (10%), việc vay này có làm biên nhận, việc vay thì có thế chấp quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Hữu P1 đứng tên theo lời trình bày của bà V là đúng, quá trình vay bà A có trả lãi số tiền bao nhiêu không nhớ (nhưng trả lãi thời gian liên tục khoảng 02 năm), việc trả lãi không có làm giấy tờ gì, đối với số tiền vốn thì không có trả. Sau đó, bà A không có khả năng trả lãi và vốn nên bà V yêu cầu bà A ký "biên nhận ngày 15/7/2020 âm

lịch" với nội dung vay số tiền 400.000.000 đồng (nhưng thực tế trong đó vốn là 150.000.000 đồng, tiền lãi nhập vào vốn là 250.000.000 đồng), biên nhận bà A trực tiếp ký tên. Việc vay tiền bà A dùng để tham gia chơi hụi và mua bán kinh doanh riêng của bà A. Việc bà A vay tiền thì ông P1 không biết, bà A lấy quyền sử dụng đất thế chấp thì ông P1 cũng không biết. Khoản nợ là nợ của cá nhân bà A chứ không có liên quan gì đối với ông P1. Kể từ khi làm biên nhận lại số tiền 400.000.000 đồng thì bà A không có trả được khoản tiền nào cho ông P2 và bà V. Sau đó, bà A lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thúy O ở ấp Rạch Lùm B, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thế vào lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P1 ra trả lại cho ông P1 (việc lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà O thì bà O không biết).

Nay bà A đồng ý trả cho bà V số tiền 150.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi với lý do đã trả lãi quá nhiều.

- Lời trình bày của bị đơn Nguyễn Hữu P1 có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Ông P1 và bà A sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1997 có 02 con chung, quá trình chung sống không có tài sản chung. Quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 22.840 m^2có nguồn gốc của mẹ ông P1 tặng cho ông P1 vào năm 1999. Ông P1 và bà A chung sống thì công việc làm ăn hằng ngày là làm vuông và tham gia chơi hụi. Khoản nợ bà A khai nợ bà V và ông P2 thì ông P1 không biết. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông P1 để ở nhà, đến năm 2021 thì ông P1 phát hiện mất giấy chứng quyền sử dụng đất, hỏi bà A thì mới biết là bà A đem đi cầm cố để vay tiền, ông P1 yêu cầu đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả thì bà A đem về trả lại cho ông P1, quyền sử dụng đất hiện nay ông P1 đã đổi lại quyền sử dụng đất mới và hiện nay có chuyển nhượng cho anh Lê Thanh H diện tích đất 1.617,3 m^2, hợp đồng này hiện nay chưa chuyển tên sang anh H, giá chuyển nhượng phần đất cho ông H là 600.000.000 đồng.

Ông P1 không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của bà V, ông P1 xác định nợ là nợ riêng của bà A.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh P2 có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Ông P2 xác định số tiền bà V khởi kiện bà A và ông P1 là tài sản chung giữa ông P2 và bà V. Ông P2 giao toàn quyền quyết định, định đoạt cho bà V yêu cầu trong vụ án, ông P2 thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà V trong vụ án.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H tại phiên tòa, thể hiện: Năm 2022 ông có nhận chuyển nhượng của ông P1 01 phần đất có diện tích 1.617,3 m^2 với giá 600.000.000 đồng, việc đặt cọc làm giấy tờ với vợ chồng ông P1 và bà A. Ông H đã giao đủ tiền chuyển nhượng và đã nhận đất canh tác. Đối với hợp đồng thì đã ký kết xong nhưng khi đăng ký chuyển quyền thì bị ngăn chặn cho đến nay.

Ông H không có yêu cầu gì trong vụ án, chỉ yêu cầu Tòa án xét xử nhanh vụ án theo quy định.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy O: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và hai lần để xét xử,

nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 287/2022/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 131, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 167, Điều 168, Điều 188 Luật đất đai; Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 71 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; điểm a, b khoản 1, 2, 3 Điều 24, khoản 1, 2, 4 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Trần Thế A có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Trần Ngọc V tổng số tiền 480.000.000 đồng (Trong đó: Tiền vốn 400.000.000 đồng, tiền lãi 80.000.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc V về việc yêu cầu duy trì tài sản là quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa đất số 19, 22 - tờ bản đồ số 10 - địa chỉ thửa đất ấp Tân Thuận, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DG 806323 và số DG 806322 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 02/8/2022 cho người sử dụng đất ông Nguyễn Hửu Phước, sinh năm 1968, CCCD số: 096068010362.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất được xác lập giữa bà Trần Ngọc V và bà Trần Thế A tại phần ghi chú theo "Biên nhận ngày 15/7/2020 âm lịch" là vô hiệu.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 666/2022/QĐ-BPKCTT ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cho đến khi phát sinh căn cứ thuộc trường hợp hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/11/2022 bà Trần Ngọc V kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Hửu Phước (Hữu Phước) phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Trần Thế A thanh toán nợ số tiền 480.000.000 đồng cho bà, vì số nợ này là nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bà Trần Ngọc

V. Buộc ông Nguyễn Hữu P1 phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Trần Thế A trả số tiền 480.000.000 đồng cho bà Trần Ngọc V.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bà Trần Ngọc V xác định vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, buộc ông Nguyễn Hửu Phước (Hữu Phước) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 480.000.000 đồng.

Xét kháng cáo của bà V: Tại phiên tòa, ông P1 trình bày nguồn tiền trong gia đình cả hai sử dụng chung, kinh tế chủ yếu do ông nuôi tôm quảng canh đưa tiền cho bà A sử dụng trong gia đình. Khi chuyển nhượng đất cho anh H thì do bà A là vợ ông nên khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng thì nhân viên phòng Công chứng yêu cầu bà A phải ký vào hợp đồng. Vấn đề này, ông P1 không phản đối mặc nhiên thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng. Ông P1 và bà A không chứng minh được bà A vay tiền sử dụng làm kinh tế riêng, bà A cho rằng bà chơi hụi ông P1 không biết, mục đích chơi hụi là sử dụng riêng. Bà A không chứng minh được sử dụng riêng vào vấn đề gì, chỉ cho rằng chơi hụi, bể hụi mất hết tiền. Vấn đề này, chỉ căn cứ vào lời trình bày của bà A để xác định bà A sử dụng riêng cũng chưa đủ cơ sở. Bà A và ông P1 chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay, mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng đã có hai con chung, cả ông P1 và bà A cùng nhau nuôi dưỡng, nguồn kinh tế chung ngoài nuôi tôm ra không làm thêm công việc gì. Do đó, khi bà A vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất ông P1 đứng tên sử dụng thì ông P1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà A thanh toán nợ cho bà V.

[2] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà O đứng tên quyền sử dụng, giấy này do bà A tự đưa cho bà V hoán đổi cho quyền sử dụng đất đứng tên ông P1, bà O không biết. Tại phiên tòa, bà V thống nhất trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà O. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bà V về vấn đề này.

[3] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bà V. Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác do hai bên đương sự không ai kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà V không phải chịu, đã nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Ngọc V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 287/2022/DS-ST ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 131, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 167, Điều 168, Điều 188 Luật đất đai; Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 71 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; điểm a, b khoản 1, 2, 3 Điều 24, khoản 1, 2, 4 Điều 26, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thế A và ông Nguyễn Hửu P1 (Nguyễn Hữu P1) có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Ngọc V tổng số tiền 480.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thế A, ông Nguyễn Hữu P1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bà Trần Thế A, ông Nguyễn Hữu P1 còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

Buộc bà Trần Ngọc V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 13995 ngày 15/3/2002 mang tên Trần Thúy O cho bà Trần Thế A.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị, phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Án phí sơ thẩm dân sự: Buộc bà Trần Thế A, ông Nguyễn Hửu P1 (Nguyễn Hữu P1) phải nộp án phí có giá ngạch là 23.200.000 đồng (Chưa nộp).

Buộc bà Trần Ngọc V phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Trần Ngọc V đã dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 11.600.000 đồng theo biên lai thu số: 0005178 ngày 25/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, bà Trần Ngọc V được nhận lại số tiền 11.300.000 đồng.

Án phí phúc thẩm dân sự: Bà Trần Ngọc V không phải chịu. Bà V đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005770 ngày 25/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân h. Trần Văn Thơi;*
- *Chi cục THADS h Trần Văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Châu Minh Hoàng **Dương Hùng Quang** **Hoàng Thị Hải Hà**